

BỘ CÔNG AN
Công an tỉnh Lạng Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC-1
Biện theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

Số: 08.ĐK-PCCC/PC.66

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:

Lê Thị Hồng

Chức vụ:

Giám đốc

đại diện cho: Công ty TNHH Hoàng Khánh

và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH

lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phòng cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Lạng Sơn

CHỨNG NHẬN: CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

(2) Kho VLNCN cơ sở

Số chứng thực: 930

Quyển số: 02

Ngày: 16 tháng 11 năm 2017

Thuộc: Công ty TNHH Hoàng Khánh

Địa chỉ: Mỏ đá Ao Si, Trục Quan, Yên Vượng, Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về: Bảo quản và sử dụng VLNCN khai thác đá tại mỏ đá Ao Si
(Trữ lượng: Thuốc nổ= 5.000Kg, Kíp nổ= 30.000 cái, dây cháy chậm=30.000m)

Đồng thời ông/bà: Lê Thị Hồng

có trách nhiệm

duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của Phòng cảnh sát PCCC&CNCH

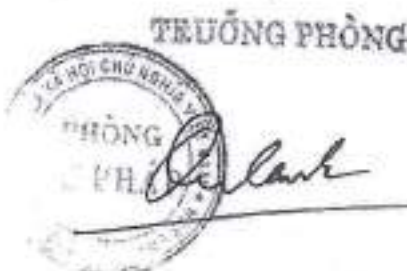
trong suốt quá trình hoạt động.

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 01 năm 2011

(3)

TRƯỞNG PHÒNG

CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 616 /UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 03 tháng 6 năm 2022

V/v xác nhận trữ lượng được
phép đưa vào thiết kế khai thác
mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên
Vượng, huyện Hữu Lũng

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Hoàng Khánh.

Xem xét Báo cáo số 240/BC-STNMT ngày 26/05/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị xác nhận trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, UBND tỉnh Lạng Sơn xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác tại mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng như sau:

1. Diện tích khu vực đề nghị xác nhận trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 15,22 ha nằm trong diện tích 19,66 ha đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng tại Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18/01/2010 của UBND tỉnh.

2. Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường được phép đưa vào thiết kế khai thác mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng là khối trữ lượng 1-121 và phần còn lại của khối trữ lượng 3-122, có tổng trữ lượng 4.263.447 m³ (trữ lượng tính đến ngày 01/01/2022, trong đó: trữ lượng còn lại theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 32/GP-UBND ngày 29/7/2016 là 1.251.284 m³; trữ lượng huy động vào thiết kế, bổ sung khai thác 3.012.163 m³).

Mức thấp nhất khối trữ lượng: + 50 m

3. Tổng trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế khai thác đạt 50,01% tổng trữ lượng còn lại của mỏ đã được UBND tỉnh phê duyệt.

4. Công ty TNHH Hoàng Khánh chỉ được thiết kế khai thác mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng theo trữ lượng đã được xác nhận; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung thể hiện trên bản đồ hiện trạng và bản vẽ mặt cắt hiện trạng, các tài liệu có liên quan để xác định sản lượng khai thác thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khai thác thực tế.

5. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác phải được thể hiện trong Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, TN&MT (03bản);
- UBND huyện Hữu Lũng;
- C, PCVP UBND tỉnh,
Phòng TH-NC, Trung tâm THCB;
- Lưu: VT, KT(NNT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Lương Trọng Quỳnh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số:01.2026/CNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/ND-CP có hiệu lực thi hành từ 10/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 05/2025/ND-CP có hiệu lực thi hành từ 06/01/2025.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022.
- Căn cứ vào năng lực của Công ty Cổ phần xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay ngày 31 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm:

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH HOÀNG KHÁNH

Địa chỉ: Khu Dốc Mới, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 02053825227

E-mail: congtytnhhhoangkhanh.ls@gmail.com

Tài khoản số: 8414201000060

Tại NH NN&PTNT Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Mã số thuế: 4900236245.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4900236245 ngày 07/5/2005 (dăng ký lần 06 ngày 27/5/2025) của sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp.

Đại diện là Ông: **Vũ Việt Đức** - Chức vụ: **Giám đốc Công ty**

II. BÊN B: CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Hương, Phường Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 024.3827 4399

Fax:

Tài khoản số: 118000113569 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Bắc Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế: 0102963031

Đại diện là ông: **Giáp Đức Mạnh**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại (Sau đây gọi tắt là chất thải) phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của Bên B.

2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải nguy hại của Công ty tại địa chỉ: Mỏ đá Ao Sỉ, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn.

2. Thời gian giao nhận: Theo sự thống nhất của hai bên.

Điện thoại thường trực: 024.3822.1234 / 0912 221 880

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển

4. Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được vận chuyển, xử lý theo quy định và theo giấy phép xử lý chất thải của bên B.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ:

1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải tính bằng tiền Việt Nam đồng (Chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

TT	Danh mục	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Kg	Khoản trọn gói 15.000.000 vnd/01 lần vận chuyển xử lý/01 năm
2	Dầu động cơ, hộp số và dầu bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Kg	
3	Ắc quy chì thải	19 06 01	Kg	
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	Kg	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Kg	
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	Kg	
7	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		Kg	
8	Dầu thải	15 01 07	Kg	

- Tổng đơn giá hợp đồng trọn gói là: **15.000.000** đồng/01 lần thu gom vận chuyển xử lý/01 năm. (Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT). Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu đồng chẵn.

- Đơn giá xử lý chất thải chỉ áp dụng trong trường hợp tổng khối lượng chất thải chuyển giao trong một lần ≤ 2.000 Kg; Trường hợp khối lượng chất thải chuyển giao trong một lần vượt quá 2.000 Kg thì Bên A phải chịu thêm chi phí xử lý là 7.000 VND/Kg đối với lượng chất thải vượt quá.

2. Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyển làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

3. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

4. Trường hợp Bên A không bán giao chất thải cho Bên B thì Bên A vẫn phải chịu chi phí duy trì hợp đồng là 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng/01 năm). Giá chưa thuế VAT.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

Bên A thanh toán phí phát sinh theo **Điều 3** bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh và hóa đơn tài chính hợp lệ.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A:

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 3 của Hợp đồng.

2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu có).

3. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải theo đúng quy định về lưu giữ chất thải nguy hại tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường.

4. Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải tại cơ sở phát sinh chất thải bên A theo đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

5. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

6. Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

7. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B:

1. Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

2. Bên B bố trí nhân công bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

3. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

4. Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

5. Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

6. Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

7. Cán bộ, nhân viên của Bên B khi làm việc trong phạm vi của Bên A phải thực hiện tuân thủ các nội quy, quy định đối với nhà thầu của bên A.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT:

1. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

2. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

1. Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:

- Hợp đồng hết hạn;
- Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

1. Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

- Sau khi hiệu lực thực hiện của hợp đồng kết thúc, nếu hai bên không có vướng mắc, hợp đồng coi như được tự thanh lý mà không cần văn bản của các bên

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Đức

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC



Giáp Đức Mạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



SỔ XÁC NHẬN

NỘP TIỀN KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Công ty TNHH Hoàng Châu

Xóm Đổ Núi - Xã Sơn Hà - Huyện LS

MỤC ĐÍCH, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÝ QUỸ, HOÀN TRẢ TIỀN KÝ QUỸ

I. Mục đích của việc ký quỹ

Mục đích của ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường là để đảm bảo tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

II. Thời điểm thực hiện ký quỹ

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ lần đầu trước khi đưa mỏ vào khai thác 30 (ba mươi) ngày.
2. Trường hợp ký quỹ nhiều lần, việc ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi phải thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ.

III. Hồ sơ ký quỹ gồm

1. Văn bản đề nghị ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.
2. Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản.
3. Quyết định phê duyệt đề án cải tạo phục hồi môi trường.

IV. Nguyên tắc hoàn trả tiền ký quỹ

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã nộp tiền ký quỹ theo quy định được hoàn trả một phần hoặc toàn bộ tiền ký quỹ.
2. Việc hoàn trả tiền đã ký quỹ được xác định theo khối lượng hoàn thành của từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn của Đề án hoặc Đề án bổ sung đã được phê duyệt và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận.

V. Hồ sơ để nghị hoàn trả tiền ký quỹ gồm

1. Văn bản đề nghị hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.
2. Giấy xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ cải tạo, phục hồi môi trường.

VI. Quản lý và sử dụng tiền ký quỹ

1. Quỹ bảo vệ môi trường quản lý, sử dụng và hoàn trả tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp lỗ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã ký quỹ nhưng bị phá sản thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung có trách nhiệm sử dụng số tiền ký quỹ, bao gồm cả tiền lãi để thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

Lưu ý: Các đơn vị nộp tiền ký quỹ dùng hạn vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng, đóng thời điểm đến Quỹ BVMT để xác nhận đã thực hiện ký quỹ. Khi đến làm xác nhận phải mang theo các loại giấy tờ sau:

- Số xác nhận ký quỹ
- Chứng từ nộp tiền kèm theo
- Đơn đề nghị theo mẫu.

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
TỈNH LANG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46 /KN-QBVMT

Lang Sơn, ngày 4 tháng 8 năm 2014

XÁC NHẬN NỘP TIỀN KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Căn cứ quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường với hoạt động khai thác khoáng sản.

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH LANG SƠN XÁC NHẬN

CÔNG TY: TNHH Hoàng Châu

Địa chỉ: Xóm Đồn, xã Sơn Hòa, thị trấn Lũng Lũng, Lang Sơn

Điện thoại: 0253.825.227 fax: 0253.329.681

Đại diện: Bà Lê Thị Hồng

Tài khoản: 194.420.400760 tại NH NN & PTNT Hậu Lũng

Địa điểm khai thác: Mỏ đá vôi Ao S., xã Sơn Hòa, thị trấn Lũng Lũng, Lang Sơn

Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1458/GP-VS-010 ngày 23/9/2013

Thời gian khai thác: 30 năm

Tổng số tiền ký quỹ theo QĐ số: 162/ĐP-VBND số 493.738.000đ

Số tiền ký quỹ lần 1 là: 74.000.000đ

Số tiền ký quỹ các năm tiếp theo: 14.471.600đ

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 1

Số tiền kỷ quỹ: 74.060.700đ Theo QĐ: 1062/02 - UBND

Ngày: 19/7/2010

Số tiền thực kỷ quỹ: là: 74.060.700đ

Ngày tháng năm kỷ quỹ lần 1: 30/5/2011

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị kỷ quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

Ủy viên: *Châu*

Phát sinh tăng, giảm:

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 2

Số tiền kỷ quỹ: 14.471.600đ Theo QĐ: 1062/02 - UBND

Ngày: 19/7/2010

Số tiền thực kỷ quỹ: là: 14.471.600đ

Ngày tháng năm kỷ quỹ lần 2: 29/7/2011

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị kỷ quỹ.

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

Ủy viên: *Châu*

Phát sinh tăng, giảm:

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KÝ QUỸ LẦN: 3

Số tiền ký quỹ: 14.471.600đ theo QĐ: 1062/QĐ - UBND.

ngày 19/7/2010

Số tiền thực ký quỹ là: 14.471.600đ

Ngày tháng năm ký quỹ lần 3: 28/12/2012

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị ký quỹ.

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

- Gray nộp tiền mặt

Phát sinh tăng, giảm:

QUY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KÝ QUỸ LẦN: 4

Số tiền ký quỹ: 14.471.600đ theo QĐ: 1062/QĐ - UBND.

ngày 19/7/2010

Số tiền thực ký quỹ là: 14.471.600đ

Ngày tháng năm ký quỹ lần 4: 13/1/2013

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị ký quỹ.

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

- Gray nộp tiền mặt

Phát sinh tăng, giảm:

QUY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 5

Số tiền ký quỹ: 14.471.600đ Theo QĐ: 1062/QĐ-UBND
ngày 19/7/2010

Số tiền thực ký quỹ là: 14.471.600đ
Ngày tháng năm ký quỹ lần 5: 28/11/2015

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị ký quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo
- UNC ngày 28/11/2015

Phát sinh tăng, giảm:

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 6

Số tiền ký quỹ: 14.471.600đ Theo QĐ: 1062/QĐ-UBND
ngày 19/7/2010

Số tiền thực ký quỹ là: 14.471.600đ
Ngày tháng năm ký quỹ lần 6: 28/11/2015

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị ký quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo
- UNC ngày 28/11/2015

Phát sinh tăng, giảm:

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KÝ QUỸ



Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 7

Số tiền kỷ quỹ: 14.471.600đ theo QĐ: 1062/QĐ-UB ND.
ngày: 19/7/2010

Số tiền thực kỷ quỹ là: 22.608.333đ

Ngày tháng năm kỷ quỹ lần 7: 16/1/2017

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị kỷ quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

= UNC ngày 16/1/2017

Phát sinh tăng, giảm: - Hòa vì đơn nộp tiền kỷ quỹ
theo chỉ số thực giao

QUY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KỶ QUỸ

Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 7

Số tiền kỷ quỹ: 11.471.600đ theo QĐ: 1062/QĐ-UB ND.
ngày: 19/7/2010

Số tiền thực kỷ quỹ là: 23.259.620

Ngày tháng năm kỷ quỹ lần 8: 26/01/2018

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị kỷ quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

= UNC ngày 23/01/2018

26/01/2018

Phát sinh tăng, giảm:

- Hòa vì đơn nộp tiền kỷ quỹ theo chỉ
số thực giao

QUY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KỶ QUỸ

QUẢN ĐỐC

Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 3

Số tiền kỷ quỹ: 14.434.600đ Theo QĐ: 1062/QĐ-UBND.

Ngày: 19/7/2010

Số tiền thực kỷ quỹ: là: 26.284.645đ

Ngày tháng năm kỷ quỹ lần 3: 28/01/2019

Chứng từ kèm theo: Đơn đề nghị kỷ quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

= LINC ngày 28/01/2019

Phát sinh tăng, giảm:

-Đón vi để nộp tiền kỷ quỹ theo chỉ số kết quả!

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KỶ QUỸ

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Duyệt

KỶ QUỸ LẦN: 10

Số tiền kỷ quỹ: 14.434.600đ Theo QĐ: 1062/QĐ-UBND.

Ngày: 19/7/2010

Số tiền thực kỷ quỹ: là: 27.637.153đ

Ngày tháng năm kỷ quỹ lần 10: 14/2/2020

Chứng từ kèm theo: Đơn đề nghị kỷ quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

= LINC ngày 14/2/2020

Phát sinh tăng, giảm:

-Đón vi để nộp tiền kỷ quỹ theo chỉ số kết quả!

QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ĐƠN VỊ KỶ QUỸ

Nguyễn Vĩnh Phú

KÝ QUỸ LẦN 11

Số tiền ký Quỹ: 14.414.600đ Theo QĐ: 1062/QĐ-LBND

ngày: 19/7/2010

Số tiền thực ký Quỹ là: 29.033.207đ

Ngày tháng năm ký Quỹ lần 11: 29/01/2021

Chứng từ kèm theo: - Đơn đề nghị ký Quỹ. ✓

- Chứng từ nộp tiền kèm theo

- UNC ngày: 29/01/2021

Phát sinh tăng, giảm:



ĐƠN VỊ KÝ QUỸ

Nguyễn Vĩnh Phú

UBND TỈNH LẠNG SƠN
QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/GXN-QBVMT

Lạng Sơn, ngày 06 tháng 12 năm 2023

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 12 và 13)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Ao Si, xã Yên Vương, huyện Hữu Lũng.

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn xác nhận:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Hoàng Khánh.

Địa chỉ: Dốc Mới, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0253825227

Tài khoản: 8414201000060 tại ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hữu Lũng.

Đại diện: Ông Vũ Việt Đức

Chức vụ: Giám đốc

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 12 và 13 là **58.349.091 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm chín mươi một đồng) vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn 35110000204262 tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn theo đúng cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung cho:

- Dự án: Đầu tư khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Ao Si, xã Yên Vương, huyện Hữu Lũng.

- Địa điểm: Mỏ đá Ao Si, thôn Chục Quan, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1458/GP-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp; thời hạn đến tháng 9 năm 2040/.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Khánh;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch Bảo vệ môi trường-STNMT;
- Phòng Quản lý TNN và Khoáng sản - STNMT;
- Lãnh đạo Quý;
- Kế toán Quý;
- Lưu: VT, NVQ.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trục

Số: /GXN-QBVMT

Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2024

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 14)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn".

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn xác nhận:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Hoàng Khánh.

Địa chỉ: Thôn Dốc Mới, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0344.898.819

Tài khoản: 8414201000060 tại ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hữu Lũng.

Đại diện: Ông Vũ Việt Đức

Chức vụ: Giám đốc

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 14 là 29.920.596 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm chín mươi sáu đồng*) vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn 3511.0000.204262 tại Ngân hàng BIDV theo đúng cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung cho:

- Dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Địa điểm: Mỏ đá vôi Ao Si, thôn Trục Quan, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1458/GP-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp; thời hạn đến tháng 9 năm 2040./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Khánh;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Quản lý Môi trường - STNMT;
- Phòng Quản lý TNN và Khoáng sản - STNMT;
- Lãnh đạo Quý;
- Kế toán Quý;
- Lưu: VT, NVQ.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Trục

Số: 44/GXN-QBVMT

Lạng Sơn, ngày 05 tháng 3 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 15)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 24/4/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn".

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn xác nhận:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Hoàng Khánh.

Địa chỉ: Thôn Dốc Mới, xã Sơn Hà, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0344.898.819

Tài khoản: 8414201000060 tại ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hữu Lũng.

Đại diện: Ông Vũ Việt Đức

Chức vụ: Giám đốc

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 15 là 30.764.322 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu, bảy trăm sáu mươi tư nghìn, ba trăm hai mươi hai đồng) vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn 3510204262 tại Ngân hàng BIDV cho:

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Địa điểm: Mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1458/GP-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp; thời hạn đến tháng 9 năm 2040./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Khánh;
- UBND huyện Hữu Lũng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng QL môi trường và Khoáng sản - SNNMT;
- Thanh tra SNNMT;
- Lãnh đạo Quý;
- Kế toán Quý;
- Lưu: VT, NVQ.



Nguyễn Hữu Trục

Số: 21 /GXN-QBVM

Lạng Sơn, ngày 04 tháng 8 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN
ĐÃ KÝ QUỸ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG
(Lần thứ 16)

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Dự án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn".

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn xác nhận:

Tên tổ chức: Công ty TNHH Hoàng Khánh.

Địa chỉ: Khu Dốc Mới, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 0344.898.819

Tài khoản: 8414201000060 tại ngân hàng Agribank Hữu Lũng.

Đại diện: Ông Vũ Việt Đức

Chức vụ: Giám đốc

Đã nộp số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, số tiền nộp lần thứ 16 là 31.336.538 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi tám đồng) vào tài khoản của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Lạng Sơn 3510204262 tại Ngân hàng BIDV cho:

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Địa điểm: Mỏ đá vôi Ao Si, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn).

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 1458/GP-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn cấp; thời hạn đến tháng 9 năm 2040./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hoàng Khánh;
- UBND xã Cai Kinh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Quản lý MT và KS - SNNMT;
- Lãnh đạo Quý;
- Kế toán Quý;
- Lưu: VT, NVQ.

GIÁM ĐỐC



Triệu Đức Minh

Số TN: 1418/QT.VH/2026/3077/NTH/MTX-KQ/HTAC272/3464

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

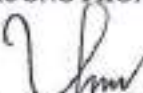
1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Số Delta
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Hoàng Khánh
3. Địa chỉ : Dự án Khai thác đá với làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Ao Sỉ, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK1; KK2; KK3; KK4
6. Ngày lấy mẫu : 14/08/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK1	KK2	KK3	KK4	QCVN 05: 2023/BTNMT (TB 1h)
1	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	16,1	18,7	<LOQ (15)	19,3	200
2	CO	µg/Nm ³	MTX.PT.KK-05	<LOQ (9600)	<LOQ (9600)	<3200	<LOQ (9600)	30000
3	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	40,0	52,1	<LOQ (36)	37,3	350
4	Tổng hạt bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	182,5	171,3	121,5	164,8	300

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT (TB 1h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - Trung bình 1 giờ.
- KK1 (HTAC272.26T8HK.KK1): Khu vực đang khai thác (tọa độ: 409104; 2388701); KK2 (HTAC272.26T8HK.KK2): Khu vực trạm nghiền sàng hiện có (tọa độ: 409037; 2388611); KK3 (HTAC272.26T8HK.KK3): Khu nhà văn phòng đang sử dụng (tọa độ: 408866; 2388483); KK4 (HTAC272.26T8HK.KK4): Ngã 3 đầu đường vào mỏ (tọa độ: 408651; 2388493).
(*) Được phân tích bởi thiết bị; (*) Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thị Hiền

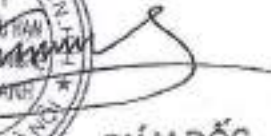
QA/QC


Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026



GIÁM ĐỐC


Lương Văn Ninh

1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Phòng thí nghiệm
3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giữ quyền việc khiếu nại từ khách hàng



Số TN: 1419/QT.VH/2026/3078/NIH/MTX-KQ/HTAC272/3464

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Số Delta
2. Cơ sở được lấy mẫu : Công ty TNHH Hoàng Khánh
3. Địa chỉ : Dự án Khai thác đá với làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Ao Si, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn
4. Loại mẫu : Nước mặt
5. Ký hiệu mẫu : NM1; NM2
6. Ngày lấy mẫu : 14/08/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NM1	NM2	QCVN 08: 2023/BTNMT (B-B ₁)
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,7	7,6	6,0-8,5
2	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021	4,6	8,9	≤ 6
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<LOQ (9)	14,4	≤ 15
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<LOQ (4,5)	<LOQ (4,5)	≤ 15
5	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,8	4,6	≥ 5,0
6	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,03	<LOQ (0,09)	≤ 0,3
7	Tổng Nitơ	mg/L	SMEWW 4500.N.C:2023	0,43	<LOQ (0,18)	≤ 1,5
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	580	470	≤ 5000
9	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	<0,03	0,1
10	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,04	<0,04	0,5

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT (B-B₁): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Chất lượng nước trung bình (Phục vụ phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước).
- NM1 (HTAC272.26T8HK.NM1): Tại ao lắng (tọa độ: 408868; 2388494); NM2 (HTAC272.26T8HK.NM2): Tại ao tự nhiên (tọa độ: 408941; 2388641).
(*) Được phân tích bởi thủ phụ; (*) Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

(Signature)
Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

(Signature)

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Lương Văn Ninh



1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Phòng thí nghiệm
3. Phân tích kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày có kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giữ quyết việc khác nơi thí nghiệm



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG XANH

HÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV-4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Tp. Hà Nội

Lưu Sơn... ngày 19 tháng 8 năm 2026

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã kỹ: 6608*26T8HK

M5 KH: HTAC272

STTKy: 3464

1. Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Tài nguyên và Môi trường Delta

Cơ sở lấy mẫu: Công ty TNHH Hoàng Khánh

Địa chỉ quan trắc: Khai thác đá với làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ An Sĩ, xã Cai Kinh, tỉnh Lạng Sơn

1. Đại diện: Lê Thu Hồng Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

I. Đại diện: Bác Minh Hằng Chức vụ: NV

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Den vje

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đặc biệt, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Tide mark

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Khu vực móng đang khai thác (tọa độ: 409104; 2388701)	HTAC272.26T8HK.KK1	N: 21°35'30.8" E: 106°22'27.0"	409103 2388766
2	Khu vực trạm nghiên sông hiện có (tọa độ: 409037; 2388611)	HTAC272.26T8HK.KK2	N: 21°35'26.8" E: 106°22'29.1"	409037 2388610
3	Khu nhà văn phòng đang sử dụng (tọa độ: 408866; 2388483)	HTAC272.26T8HK.KK3	N: 21°35'22.3" E: 106°22'18.5"	408866 2388483
4	Ngã 3 đầu đường vào mỏ (tọa độ: 408651; 2388493)	HTAC272.26T8HK.KK4	N: 21°35'22.8" E: 106°22'19.0"	408650 2388492

5	Tại ao lũng (tọa độ: 408968; 2388494)	HTAC272.26T8HK.NM1	N: 21° 55' 20.3" E: 106° 22' 12.2"	408997 2388413
6	Tại ao tự nhiên (tọa độ: 408941; 2388641)	HTAC272.26T8HK.NM2	N: 21° 55' 29.7" E: 106° 22' 12.2"	408994 2388655

Số lượng chỉ tiêu quan trắc và phân tích: Xem nội dung công việc kèm theo

Biên bản lấy mẫu và quan trắc được lập thành bản, mỗi bên giữ bản, có giá trị pháp lý như nhau

Đại diện cơ sở/Khách hàng

Đại diện đơn vị quan trắc

Đại diện.....

Đại diện.....


Lê Thị Hằng


Bùi Mạnh Hùng

Table 1. The mean (SD) age, height, weight, and body mass index (BMI) of the participants in the study

Measure	Mean (SD)
Age (years)	12.2 (0.5)
Height (cm)	156.5 (6.5)
Weight (kg)	50.5 (10.5)
BMI (kg m ⁻²)	16.2 (2.5)

the study. The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1.

Procedure

Participants were allocated to one of two groups depending on the number of trials they completed. The first group completed 10 trials and the second group completed 20 trials. The order of the trials was randomized. The participants were then allocated to one of two groups depending on the number of trials they completed.

Results

The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1. The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1.

Discussion

The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1. The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1.

Conclusion

The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1. The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1.

Acknowledgements

The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1. The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1.

References

The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1. The mean (SD) age, height, weight, and BMI of the participants are shown in Table 1.